

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2024

V/v “ ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Lâm Giang

2. Ông: Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐST-DS, ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Mạnh H vào ngày 18/01/2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến giữa năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H, mãi chơi không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con chị T có khuyên bảo thì bị anh H đánh, nhiều lần anh H đánh chị đã được gia đình hòa giải nhưng đến nay không cải thiện được vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai

nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Mạnh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Tùng B, sinh ngày 09/6/2013, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay ly hôn chị xin được nuôi con chung; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Phạm Mạnh H không đến làm việc, qua xác minh ông Phạm Phú M là bố đẻ anh H cung cấp như sau gia đình ông đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi về ông đã đưa cho anh H và bảo anh H đến Tòa giải quyết ly hôn nhưng anh H không đến. anh H hiện nay vẫn ở cùng với ông, anh H không làm ăn gì sống phụ thuộc vào ông, anh H thường đi loanh quanh ít khi có mặt ở nhà nên Tòa án có đến làm việc cũng không gặp được anh H. Ông M cho biết anh H con trai ông kết hôn cùng chị T năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, sau khi kết hôn chị T về nhà ông làm dâu, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn thỉnh thoảng anh H có đánh chị T, ông có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ăn ở từ đầu năm 2024 đến nay. Chị T xin ly hôn ông đã đồng ý nhưng chị T không nghe. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết việc ly hôn của anh H, chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị T có 01 con chung là Phạm Tùng B, sinh ngày 09/6/2013, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay đang ở với chị T, nay ly hôn đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi bởi chị T còn đi làm kiếm tiền nuôi con được, chứ anh H không làm gì, không có khả năng nuôi con, thu nhập không có hiện tại ông còn phải nuôi anh H do vậy anh H không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T, anh H không có.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải, không đến phiên toà;

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, khoản 1, Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Phạm Mạnh H.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tùng B ngày 9/6/2013; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị T, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Phạm Mạnh H, xác định quan hệ tranh chấp; "ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Phạm Mạnh H có nơi cư trú thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Mạnh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T kết hôn cùng với anh Phạm Mạnh H vào ngày 18/01/2011 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H chơi bời không tu trí làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con, chị có khuyên bảo nhưng anh H không nghe còn đánh chị; Vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay chị T xin ly anh H, mặc dù anh H

không đến làm việc nhưng qua lời khai của ông M là bố đẻ anh H xác nhận vợ chồng anh H, chị T mâu thuẫn từ giữa năm 2023 do anh H không tu trí làm ăn, hay chửi và đánh chị T, đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2024 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Phạm Mạnh H

[3] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Phạm Mạnh H có 01 con chung là Phạm Tùng B, sinh ngày 09/6/2013; con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn con chung có nguyện vọng ở với chị T, chị T xin được nuôi con. Xét thấy anh H hiện tại thường xuyên vắng nhà, không có công ăn việc làm, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy cần giao con chung là Phạm Tùng B chị T nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị T. Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Phạm Mạnh H

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tùng B, sinh ngày 09/6/2013

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tiền án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0006846 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh